TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày 07 - 10 - 2022
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Kiên và ông Nguyễn Văn Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2022 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST- DS ngày 07 tháng 4 năm 2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 39/2022/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 tháng 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn 01, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Duy M, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn 01, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/7/2017 tôi (P) có cho chị Nguyễn Thị T vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng, khi vay chị T không hẹn thời gian trả nợ chỉ thỏa thuận miệng với nhau khi nào tôi cần tiền thì sẽ thông báo trước và thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5%/tháng. Đến cuối năm 2018 khi tôi yêu cầu chị T trả nợ thì chị T mới trả cho tôi được 20.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 30.000.000 đồng tiền gốc, hẹn đến khi nào bán được rẫy sẽ trả. Nhưng khi bán được rẫy, chị T vẫn không trả tiền cho tôi. Nay, tôi đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi suất không yêu cầu. Khi vay tiền chị T có viết giấy vay tiền có ghi nội dung: *"Chị T M có nhận vay P số tiền ..."* nhưng thực tế chỉ một mình chị T đến vay và ký vào giấy vay tiền, anh M là chồng chị T không có mặt, khi trả số tiền 20.000.000 đồng cho tôi chị T cũng một mình trả nên tôi chỉ yêu cầu chị T trả số tiền trên, không có yêu cầu gì đối với anh Nguyễn Duy M.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 24/7/2017, chị có vay của chị P số tiền 50.000.000 đồng, khi vay có thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau khoảng 2%/tháng. Tuy nhiên, sau khi vay tiền xong do làm ăn thua lỗ nên chị mới trả cho chị P được 20.000.000 đồng tiền gốc và một số tiền lãi nhưng không nhớ cụ thể số tiền lãi đã trả được là bao nhiêu vì không làm giấy tờ gì. Số tiền chị vay của chị P để sử dụng vào mục đích kinh doanh buôn bán và kinh doanh khoan giếng nhưng bị thua lỗ nên chồng của chị là anh Nguyễn Duy M *(hiện đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2020)* cũng biết việc chị có vay tiền của chị P nên đây là khoản nợ chung của chị và anh M trong thời kỳ hôn nhân. Chị P khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng, chị đồng ý trả số tiền này. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay đang khó khăn nên chưa có tiền để trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Duy M vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán và thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền gốc 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)*.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của chị Nguyễn Thị P, về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả số tiền gốc 30.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 27/4/2017, thì đây là quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Chị Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án có địa chỉ tại: Thôn 1, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy M đã được triệu tập, tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P và bị đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Duy T (là chồng của chị Nguyễn Thị P) trong quá trình giải quyết vụ án cho rằng số tiền chị P cho chị T vay là tiền riêng của chị P không phải tiền chung của vợ chồng nên anh từ chối tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không đưa anh Nguyễn Duy T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện:* Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả số tiền gốc 30.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 27/4/2017, về tiền lãi suất không yêu cầu. Đối với số tiền gốc chị T thừa nhận có vay của chị P, đây là vấn đề các bên đã thừa nhận không cần chứng minh.

Chị T cho rằng số tiền vay 50.000.000 đồng của chị P là để sử dụng vào mục đích kinh doanh buôn bán và kinh doanh khoan giếng nên đây là nợ chung của chị với anh M trong thời kỳ hôn nhân. Do chị T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành đối chất về các nội dung còn mâu thuẫn giữa chị T và anh M được. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho vấn đề trên và có căn cứ khác chứng minh anh M không liên quan đến số tiền chị T đã vay của chị P như anh M không ký nhận trong giấy vay tiền, nguyên đơn cũng thừa nhận khi cho vay chỉ có chị T vay, không có anh M và anh M cũng không ký trong giấy mượn tiền nên nguyên đơn chỉ yêu cầu chị T trả không yêu cầu anh M có nghĩa vụ liên đới trả. Do vậy, căn cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Do vậy, Hội đồng xét xử cần buộc chị Thúy trả cho chị P số tiền gốc đã vay, anh M không liên quan đến khoản vay này là có căn cứ.

Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ mà các đương sự cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P. Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền 30.000.000đ đồng *(ba mươi triệu đồng)* là có căn cứ, đúng pháp luật. Về lãi suất các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 4 Điều 177, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P đối với chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)*.

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị P được nhận lại 887.500 đồng (*Tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002217 ngày 07/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nông Văn Nhu